

Số: 19...../ BC – CKCT09

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2022

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN  
DỰ KIẾN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ QUÝ I NĂM 2022**

**Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty chứng khoán Công thương xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội danh mục chứng khoán dự kiến thực hiện giao dịch ký quỹ quý I năm 2022 như sau:

| STT | Mã CK | Tên Công ty                                                             | Ghi chú |
|-----|-------|-------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | AAV   | Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc                                    |         |
| 2   | ADC   | Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông                                |         |
| 3   | ALT   | Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình                                        |         |
| 4   | AME   | Công ty cổ phần Alphanam E&C                                            |         |
| 5   | AMV   | Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ |         |
| 6   | APP   | Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm dầu mỡ                   |         |
| 7   | APS   | Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương                    |         |
| 8   | ARM   | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không                               |         |
| 9   | ART   | Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS                                         |         |
| 10  | ATS   | Công ty Cổ phần Suất ăn công nghiệp Atesco                              |         |
| 11  | BAB   | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á                                      |         |
| 12  | BAX   | Công ty Cổ phần Thống Nhất                                              |         |
| 13  | BBS   | Công ty Cổ phần VICEM Bao bì Bút Sơn                                    |         |
| 14  | BCC   | Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn                                         |         |
| 15  | BCF   | Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi                                      |         |
| 16  | BDB   | Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định                              |         |
| 17  | BED   | Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng                     |         |
| 18  | BPC   | Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn                                    |         |
| 19  | BSC   | Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành                                       |         |
| 20  | BST   | Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận                             |         |
| 21  | BTS   | Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn                                   |         |
| 22  | BTW   | Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành                                      |         |
| 23  | BVS   | Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt                                    |         |

| STT | Mã CK | Tên Công ty                                                  | Ghi chú |
|-----|-------|--------------------------------------------------------------|---------|
| 24  | C69   | Công ty Cổ phần Xây dựng 1369                                |         |
| 25  | CAG   | Công ty Cổ phần Cảng An Giang                                |         |
| 26  | CAN   | Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long                               |         |
| 27  | CAP   | Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái               |         |
| 28  | CDN   | Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng                                 |         |
| 29  | CET   | Công ty Cổ phần HTC Holding                                  |         |
| 30  | CKM   | Công ty Cổ phần Cơ khí Mỏ Việt Bắc                           |         |
| 31  | CLH   | Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI                         |         |
| 32  | CLM   | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin              |         |
| 33  | CMC   | Công ty Cổ phần Đầu tư CMC                                   |         |
| 34  | CPC   | Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ                      |         |
| 35  | CSC   | Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA                              |         |
| 36  | CTB   | Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương                        |         |
| 37  | CTP   | Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public            |         |
| 38  | CTT   | Công ty Cổ phần Chế tạo máy Vinacomin                        |         |
| 39  | CVN   | Công ty Cổ phần Vinam                                        |         |
| 40  | D11   | Công ty Cổ phần Địa ốc 11                                    |         |
| 41  | DAD   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng        |         |
| 42  | DAE   | Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP.Đà Nẵng                 |         |
| 43  | DC2   | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng (DIC) số 2      |         |
| 44  | DDG   | Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương |         |
| 45  | DHP   | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng                            |         |
| 46  | DHT   | Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây                             |         |
| 47  | DIH   | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An          |         |
| 48  | DL1   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven                         |         |
| 49  | DNC   | Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng                  |         |
| 50  | DNM   | Tổng Công ty Cổ phần Y tế Danameco                           |         |
| 51  | DNP   | Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai                                |         |
| 52  | DO3   | Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc III            |         |
| 53  | DP3   | Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương 3                       |         |

| STT | Mã CK | Tên Công ty                                                      | Ghi chú |
|-----|-------|------------------------------------------------------------------|---------|
| 54  | DPC   | Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng                                     |         |
| 55  | DS3   | Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 3                          |         |
| 56  | DTD   | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt                      |         |
| 57  | DTK   | Tổng Công ty Điện lực TKV - Công ty Cổ phần                      |         |
| 58  | DVG   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Đại Việt                            |         |
| 59  | DXP   | Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá                                     |         |
| 60  | EBS   | Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội               |         |
| 61  | ECI   | Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục                     |         |
| 62  | EID   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội             |         |
| 63  | EVS   | Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest                              |         |
| 64  | FID   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam       |         |
| 65  | GDW   | Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định                                |         |
| 66  | GIC   | Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh                |         |
| 67  | GKM   | Công ty Cổ phần Khang Minh Group                                 |         |
| 68  | GLT   | Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu                           |         |
| 69  | GMA   | Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam                                  |         |
| 70  | GMX   | Công ty Cổ phần Gạch ngói Gốm xây dựng Mỹ Xuân                   |         |
| 71  | HAD   | Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương                           |         |
| 72  | HAT   | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội                            |         |
| 73  | HBS   | Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình                             |         |
| 74  | HCC   | Công ty Cổ phần Bê tông Hòa Cầm - Intimex                        |         |
| 75  | HCT   | Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ - Vận tải Xi măng Hải Phòng |         |
| 76  | HDA   | Công ty Cổ phần Hãng sơn Đông Á                                  |         |
| 77  | HEV   | Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề                          |         |
| 78  | HHC   | Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà                                  |         |
| 79  | HJS   | Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu                                 |         |
| 80  | HLC   | Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin                          |         |
| 81  | HLĐ   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND        |         |
| 82  | HMH   | Công ty Cổ phần Hải Minh                                         |         |
| 83  | HMR   | Công ty cổ phần Đá Hoàng Mai                                     |         |



| STT | Mã CK | Tên Công ty                                                   | Ghi chú |
|-----|-------|---------------------------------------------------------------|---------|
| 84  | HOM   | Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hoàng Mai                       |         |
| 85  | HTC   | Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn                            |         |
| 86  | HTP   | Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát                    |         |
| 87  | HVT   | Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì                             |         |
| 88  | ICG   | Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng                            |         |
| 89  | IDC   | Tổng Công ty IDICO - CTCP                                     |         |
| 90  | IDV   | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc                  |         |
| 91  | INC   | Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO                           |         |
| 92  | INN   | Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp                      |         |
| 93  | ITQ   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang                          |         |
| 94  | KDM   | Công ty Cổ phần Tổng Công ty Phát triển Khu Đô thị Dân cư mới |         |
| 95  | KHS   | Công ty Cổ phần Kiên Hùng                                     |         |
| 96  | KKC   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái                           |         |
| 97  | KLF   | Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu CFS       |         |
| 98  | KST   | Công ty Cổ phần KASATI                                        |         |
| 99  | KTS   | Công ty Cổ phần Đường Kon Tum                                 |         |
| 100 | L14   | Công ty Cổ phần Licogi 14                                     |         |
| 101 | L18   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18                      |         |
| 102 | L40   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40                         |         |
| 103 | L62   | Công ty Cổ phần Lilama 69.2                                   |         |
| 104 | LAS   | Công ty Cổ phần Supe Phot phát và Hóa chất Lâm Thao           |         |
| 105 | LBE   | Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Long An           |         |
| 106 | LCD   | Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện                  |         |
| 107 | LHC   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng          |         |
| 108 | LIG   | Công ty Cổ phần Licogi 13                                     |         |
| 109 | MBG   | Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG                                  |         |
| 110 | MBS   | Công ty Cổ phần Chứng khoán MB                                |         |
| 111 | MCC   | Công ty Cổ phần Gạch ngói cao cấp                             |         |
| 112 | MCF   | Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm        |         |
| 113 | MCO   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam               |         |

| STT | Mã CK | Tên Công ty                                                | Ghi chú |
|-----|-------|------------------------------------------------------------|---------|
| 114 | MDC   | Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin                |         |
| 115 | MED   | Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex                |         |
| 116 | MEL   | Công ty Cổ phần Thép Mê Lin                                |         |
| 117 | MHL   | Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên                              |         |
| 118 | MKV   | Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy                         |         |
| 119 | MST   | Công ty Cổ phần Đầu tư MST                                 |         |
| 120 | MVB   | Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - Công ty Cổ phần |         |
| 121 | NAG   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa                          |         |
| 122 | NAP   | Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh                             |         |
| 123 | NBC   | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin                   |         |
| 124 | NBP   | Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Ninh Bình                       |         |
| 125 | NBW   | Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè                            |         |
| 126 | NDN   | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng              |         |
| 127 | NDX   | Công ty Cổ phần Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng             |         |
| 128 | NET   | Công ty Cổ phần Bột giặt Net                               |         |
| 129 | NFC   | Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình                         |         |
| 130 | NHC   | Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp                         |         |
| 131 | NSH   | Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng                             |         |
| 132 | NTH   | Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong                       |         |
| 133 | NTP   | Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong                 |         |
| 134 | NVB   | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân                      |         |
| 135 | ONE   | Công ty Cổ phần Truyền thông số 1                          |         |
| 136 | PBP   | Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam                    |         |
| 137 | PCE   | Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Miền Trung    |         |
| 138 | PCT   | Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam           |         |
| 139 | PDB   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư DIN Capital                |         |
| 140 | PGN   | Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa                               |         |
| 141 | PGS   | Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam                    |         |
| 142 | PHN   | Công ty Cổ phần Pin Hà Nội                                 |         |
| 143 | PIA   | Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex              |         |

| STT | Mã CK | Tên Công ty                                                | Ghi chú |
|-----|-------|------------------------------------------------------------|---------|
| 144 | PIC   | Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3                          |         |
| 145 | PJC   | Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội    |         |
| 146 | PLC   | Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - Công ty Cổ phần          |         |
| 147 | PMB   | Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc      |         |
| 148 | PMC   | Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic              |         |
| 149 | PMP   | Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ                          |         |
| 150 | PMS   | Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu                            |         |
| 151 | POT   | Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện                          |         |
| 152 | PPP   | Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú                        |         |
| 153 | PPS   | Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam |         |
| 154 | PPY   | Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Phú Yên                   |         |
| 155 | PRC   | Công ty Cổ phần Logistics Portserco                        |         |
| 156 | PRE   | Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI                      |         |
| 157 | PSC   | Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn      |         |
| 158 | PSD   | Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí         |         |
| 159 | PSE   | Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ   |         |
| 160 | PSI   | Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí                        |         |
| 161 | PSW   | Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ    |         |
| 162 | PTI   | Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện                     |         |
| 163 | PTS   | Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng    |         |
| 164 | PVC   | Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty Cổ phần |         |
| 165 | PVG   | Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam                    |         |
| 166 | PVI   | Công ty Cổ phần PVI                                        |         |
| 167 | PVS   | Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam     |         |
| 168 | PXK   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp dầu khí Kinh Bắc         |         |
| 169 | QHD   | Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức                      |         |
| 170 | QST   | Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh     |         |
| 171 | QTC   | Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam    |         |
| 172 | RCL   | Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn                             |         |
| 173 | S55   | Công ty Cổ phần Sông Đà 505                                |         |



| STT | Mã CK | Tên Công ty                                                  | Ghi chú |
|-----|-------|--------------------------------------------------------------|---------|
| 174 | S99   | Công ty Cổ phần SCI                                          |         |
| 175 | SAF   | Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO                  |         |
| 176 | SCI   | Công ty Cổ phần SCI E&C                                      |         |
| 177 | SD5   | Công ty Cổ phần Sông Đà 5                                    |         |
| 178 | SD6   | Công ty Cổ phần Sông Đà 6                                    |         |
| 179 | SD9   | Công ty Cổ phần Sông Đà 9                                    |         |
| 180 | SDC   | Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà                               |         |
| 181 | SDG   | Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ                               |         |
| 182 | SDN   | Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai                                 |         |
| 183 | SDU   | Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà |         |
| 184 | SEB   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung         |         |
| 185 | SED   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam     |         |
| 186 | SFN   | Công ty Cổ phần Dệt lưới Sài Gòn                             |         |
| 187 | SGC   | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang                      |         |
| 188 | SGH   | Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn                            |         |
| 189 | SHE   | Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà                 |         |
| 190 | SHN   | Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội                       |         |
| 191 | SHS   | Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội                 |         |
| 192 | SIC   | Công ty Cổ phần ANI                                          |         |
| 193 | SJ1   | Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu                         |         |
| 194 | SJE   | Công ty Cổ phần Sông Đà 11                                   |         |
| 195 | SLS   | Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La                             |         |
| 196 | SMN   | Công ty Cổ phần Sách và thiết bị giáo dục Miền Nam           |         |
| 197 | SRA   | Công ty Cổ phần SARA Việt Nam                                |         |
| 198 | STC   | Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tp. Hồ Chí Minh  |         |
| 199 | STP   | Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà               |         |
| 200 | SVN   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam                    |         |
| 201 | SZB   | Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình                           |         |
| 202 | TA9   | Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96                          |         |
| 203 | TAR   | Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An           |         |

| STT | Mã CK | Tên Công ty                                          | Ghi chú |
|-----|-------|------------------------------------------------------|---------|
| 204 | TBX   | Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình                    |         |
| 205 | TC6   | Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin             |         |
| 206 | TDI   | Công ty Cổ phần Tập đoàn TDI                         |         |
| 207 | TDN   | Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin             |         |
| 208 | TDT   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT             |         |
| 209 | TET   | Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc             |         |
| 210 | THD   | Công ty Cổ phần Thaiholdings                         |         |
| 211 | THS   | Công ty Cổ phần Thanh Hoa Sông Đà                    |         |
| 212 | THT   | Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin               |         |
| 213 | TIG   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long           |         |
| 214 | TJC   | Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại        |         |
| 215 | TKC   | Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Tân Kỳ |         |
| 216 | TKU   | Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang               |         |
| 217 | TMB   | Công ty Cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin |         |
| 218 | TMC   | Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức    |         |
| 219 | TMX   | Công ty Cổ phần VICEM Thương mại Xi măng             |         |
| 220 | TNG   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG             |         |
| 221 | TPH   | Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại TP.Hà Nội      |         |
| 222 | TPP   | Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam                     |         |
| 223 | TSB   | Công ty Cổ phần Ấc quy Tia Sáng                      |         |
| 224 | TTC   | Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh                 |         |
| 225 | TTH   | Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành     |         |
| 226 | TTL   | Tổng Công ty Thăng Long - Công ty Cổ phần            |         |
| 227 | TTT   | Công ty Cổ phần Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh        |         |
| 228 | TV3   | Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3               |         |
| 229 | TV4   | Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4               |         |
| 230 | TVC   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt    |         |
| 231 | TVD   | Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin           |         |
| 232 | UNI   | Công ty Cổ phần Viễn Liên                            |         |
| 233 | V12   | Công ty Cổ phần Xây dựng số 12                       |         |



| STT | Mã CK | Tên Công ty                                         | Ghi chú |
|-----|-------|-----------------------------------------------------|---------|
| 234 | VBC   | Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh                  |         |
| 235 | VC1   | Công ty Cổ phần Xây dựng số 1                       |         |
| 236 | VC2   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VINA2            |         |
| 237 | VC3   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông                |         |
| 238 | VC6   | Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons         |         |
| 239 | VC7   | Công ty Cổ phần Tập đoàn BGI                        |         |
| 240 | VCC   | Công ty Cổ phần Vinaconex 25                        |         |
| 241 | VCM   | Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex    |         |
| 242 | VCS   | Công ty Cổ phần VICOSTONE                           |         |
| 243 | VE2   | Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 2               |         |
| 244 | VE3   | Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3               |         |
| 245 | VE4   | Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4                |         |
| 246 | VE8   | Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Vneco 8               |         |
| 247 | VGP   | Công ty Cổ phần Càng Rau Quả                        |         |
| 248 | VGS   | Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE           |         |
| 249 | VHE   | Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam     |         |
| 250 | VHL   | Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long                   |         |
| 251 | VIF   | Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty Cổ phần  |         |
| 252 | VIT   | Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn                  |         |
| 253 | VKC   | Công ty Cổ phần VCKHoldings                         |         |
| 254 | VMC   | Công ty Cổ phần VIMECO                              |         |
| 255 | VMS   | Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải                 |         |
| 256 | VNC   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol                |         |
| 257 | VNF   | Công ty Cổ phần Vinafreight                         |         |
| 258 | VNR   | Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam |         |
| 259 | VSA   | Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam            |         |
| 260 | VSM   | Công ty Cổ phần Container Miền Trung                |         |
| 261 | UTC   | Công ty Cổ phần Viễn Thông UTC                      |         |
| 262 | VTH   | Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái              |         |
| 263 | VTV   | Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM      |         |

| STT | Mã CK | Tên Công ty                          | Ghi chú |
|-----|-------|--------------------------------------|---------|
| 264 | WCS   | Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây      |         |
| 265 | WSS   | Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall |         |
| 266 | X20   | Công ty Cổ phần X20                  |         |

- Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty: <https://www.cts.vn/2022/01/04/danh-muc-chung-khoan-du-kien-thuc-hien-giao-dich-ky-quy-quy-i-nam-2022/>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**NGƯỜI LẬP**



**Phạm Duyên Hải**

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu DVCK, TCHC

**KIỂM SOÁT**



**Tạ Minh Thành**

**P. TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Phan Hải Sâm*